TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Vinh
2. Ông Ngô Thanh Xuân

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện LG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/TLST- HNGĐ ngày 24/02/2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2020/QĐXX-ST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1989 - Có mặt.

ĐKHKTT: Xóm C, xã XH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Sinh Tâm, thôn My Điền 2, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

***Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 - Có mặt.

Địa chỉ: Xóm C, xã XH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã XH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang vào ngày 29/10/2010. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh làm dâu ngay. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2016, vợ chồng anh ra ở riêng. Đến năm 2019 vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, làm ăn phát triển kinh tế và chăm lo cho con cái. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh không còn tình cảm với chị L, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, hai

người ở cùng một nhà nhưng không hề hỏi thăm nhau. Hai bên gia đình đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Kể từ đầu tháng 5/2020 đến nay anh thuê nhà trọ sinh sống gần công ty không về nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Phạm Thị Thu H sinh ngày 19/6/2011, Phạm Thanh V sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Mạnh T, sinh ngày 20/9/2017. Tại đơn khởi kiện anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, tại bản tự khai ngày 08/5/2020 anh đề nghị Tòa án xem xét ý kiến của chị L và nguyện vọng của các cháu, trường hợp chị L muốn nuôi cả 03 con và các cháu muốn ở với mẹ thì anh đồng ý để chị L nuôi cả 3 con, trường hợp chị L không nhận nuôi cả 3 con thì anh đề nghị giao cho anh được nuôi cháu Phạm Thị Thu H, giao cho chị L nuôi cháu Phạm Thanh V và cháu Phạm Mạnh T. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản làm việc ngày 11/5/2020, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân*:* Chị và anh Phạm Văn Tr được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã XH, huyện LG vào ngày 29/10/2010. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Tr làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Tr, đến năm 2016 thì vợ chồng chị ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 4/2019 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi đó anh Tr đi làm ở công ty Vinasonaf, chị nghi ngờ anh Tr có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh Tr khởi kiện xin ly hôn chị không đồng ý, lý do chị không đồng ý là do chị vẫn còn tình cảm với anh Tr và mong muốn các con của chị có đủ tình cảm của bố và mẹ, chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Thu H sinh ngày 19/6/2011, Phạm Thanh V sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Mạnh T, sinh ngày 20/9/2017. Hiện nay cả 3 con đang ở cùng chị, chị đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân may tại tổ A7, xưởng A, công ty Quốc tế VietPan thu nhập bình quân hàng tháng 6.000.000 đồng, đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống của 4 mẹ con.

- Về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu phát sinh tranh chấp chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

* Tại buổi hòa giải ngày 08/6/2020, chị L giữa nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nhưng về con chung, trong trường hợp phải giải quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng chăm sóc cháu Phạm Mạnh T, giao cho anh Tr nuôi dưỡng

chăm sóc cháu Phạm Thị Thu H và Phạm Thanh V, chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

***** Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2020 với ông Nguyễn Văn Kỷ, Trưởng thôn C, xã XH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Anh Tr và chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp. Từ khi anh Tr đi làm công ty (khoảng năm 2016) thì vợ chồng anh Tr chị L có xảy ra xích mích, cãi vã nhau nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vì sao địa phương không nắm được. Anh Tr đi làm công ty, ở trọ, ít về nhà. Vợ chồng anh Tr, chị L có 03 con chung, các cháu được ông bà nội đưa đón đi học hàng ngày. Nay anh Tr khởi kiện giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết con chung, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2020 với bà Nguyễn Thị Khánh, mẹ đẻ của anh Phạm Văn Tr cho biết: Anh Tr, chị L có đăng ký kết hôn hợp pháp và được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị L về nhà bà làm dâu ngay, 2 vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây, khoảng trước Tết âm lịch, anh Tr, chị L có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr đi làm ca đêm, ca ngày giờ giấc không ổn định. Gia đình đã hòa giải nhưng anh Tr nói không còn tình cảm với chị L. Nay anh Tr xin ly hôn chị L bà không đồng ý, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cho các cháu có bố có mẹ. Vợ chồng anh Tr, chị L có 03 con chung. Hàng ngày anh Tr chị L đi làm công ty thì ông bà là người chăm sóc, đưa đón các cháu giúp anh Tr, chị L.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2020, dưới sự giám hộ của chị Nguyễn Thị L và người chứng kiến là bà Nguyễn Thị Khánh, cả 02 cháu Phạm Thị Thu H và cháu Phạm Thị Thanh V là con anh Tr, chị L đều trình bày không muốn bố mẹ cháu bỏ nhau, các cháu muốn ở cùng cả bố và mẹ.

* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng do vắng mặt của một bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Anh Tr có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, về con chung anh đồng ý để chị L nuôi cả 3 con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1 tháng/1cháu kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi như chị L yêu cầu.

- Chị L có mặt, chị xác định không còn tình cảm với anh Tr tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn vì tài sản chung chưa rõ ràng và muốn các con có đủ tình cảm của cả bố và mẹ; Về con chung chị xin nuôi cả 3 con chung và yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi ba con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Tr nhất trí và cả hai thống nhất thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 3 con chung, anh Tr có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 3 con chung theo mức 1.000.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu kể từ tháng 8/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị L yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG phát biểu ý kiến về việc

tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn còn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng chứng cứ và hòa giải ngày 28/5/2020.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Tr được ly hôn chị L.

+ Về con chung: Công nhận thỏa thuận của các đương sự: Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 con chung, anh Tr đóng góp cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp 1.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

+ Về án phí: Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn, 300.000đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Xác nhận anh Tr đã nộp 300.000 đồng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự, anh Tr còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Anh Tr không yêu cầu giải quyết; phía chị L trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị L không đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng nên tại phiên tòa chị yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu chị L có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn Tr cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện. Nguyên đơn đã thực hiện việc thông báo khởi kiện và gửi tài liệu cho bị đơn theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, các đương sự cư trú tại huyện LG nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã giải quyết vụ kiện theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng

xét xử đã chấp hành đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, đều có mặt tại phiên tòa.

[4]. Về nội dung:

Lời khai của anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị L đều xác định vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang ngày 29/10/2010 theo giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã XH cấp, do đó quan hệ hôn nhân của anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị L là hợp pháp.

[4.1]. Về tình trạng hôn nhân của anh Tr, chị L: Từ đơn khởi kiện cho đến bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn xác định giữa anh Tr và chị L không còn tình cảm với nhau. Tại phiên tòa, chị L thừa nhận chị không còn tình cảm với anh Tr, lý do chị không muốn ly hôn là tài sản chung chưa rõ ràng và muốn các con của chị có đủ tình cảm của cả bố và mẹ để các cháu không bị mặc cảm. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của anh Tr, chị L không đạt được mục đích đó.Việc anh chị mặc dù sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm tới nhau khiến tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có khả năng đoàn tụ. Chị L mặc dù không muốn ly hôn nhưng chị không có biện pháp khắc phục nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Tr kiên quyết xin ly hôn, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị L ly hôn.

[4.2]. Về nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tr và chị L xác định vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thị Thu H sinh ngày 19/6/2011, Phạm Thanh V sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Mạnh T, sinh ngày 20/9/2017. Tại phiên tòa, anh Tr chị L cùng thống nhất thỏa thuận chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 3 con chung, anh Tr có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả 3 con theo mức 1.000.000 đồng/ 1 tháng/ 1 con. Do đó, hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên, giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 cháu là Phạm Thị Thu H sinh ngày 19/6/2011, Phạm Thanh V sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Mạnh T, sinh ngày 20/9/2017; Anh Tr có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả 3 con cho chị L, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản. Phía chị L trong quá trình giải quyết vụ án không đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên tại phiên tòa chị L đề nghị giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng, tại phiên tòa chị L là bị đơn mới có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, căn cứ Điều 200 Bộ luật

tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị L trong vụ án này. Chị L có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm. Xác nhận anh Tr đã nộp 300.000 đồng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự, anh Tr còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Tr và chị Nguyễn Thị L ly hôn.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Tr và chị L, giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 con chung là Phạm Thị Thu H sinh ngày 19/6/2011, Phạm Thanh V sinh ngày 13/10/2013 và Phạm Mạnh T, sinh ngày 20/9/2017; Anh Tr có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả 3 con cho chị L, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con, thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2020 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh Tr không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh Tr chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2019/0002173 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Anh Tr phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã XH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm